TAND TỈNH KIÊN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ***Ông Trần Ngọc Triệu***
Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Lộc – *Giám đốc Trung tâm Dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.*

2. Bà Phạm Thị Kiếm – *Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Dương Đông 1*

Thư ký phiên tòa: ***Ông Phạm Văn Chung****– Thư ký Toà án huyện Phú Quốc.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: ***Ông Nguyễn Văn Trung*** *– Kiểm sát viên.*

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST- HNGĐ, ngày 20/02/2019, về: "Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 28/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng S, sinh năm: 1983
Địa chỉ: tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị Lâm Thị Mỹ H, sinh năm: 1987
Địa chỉ: tổ 8, khu phố A, thị trấn B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

3. Con chung: Cháu Trần Văn T, sinh ngày 11/8/2006 và cháu Trần Thị Thùy Th, sinh ngày 17/6/2009 (cùng địa chỉ với cha).

(Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H và con chung vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 12 năm 2018, tại bản tự khai và tại Tòa, nguyên đơn anh Trần Hoàng S trình bày:

Anh S và chị H tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Phú Quốc ngày 29

tháng 5 năm 2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số I/2006. Sau một thời gian chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyện xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau; vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên chị H thường bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Mặc dù hai vợ chồng đã cố gắn hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ năm 2016 đến nay, hai vợ chồng đã sống ly thân và hiện không còn chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Văn T và Trần Thị Thùy Th. Khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh Sắc.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Cam kết không nợ ai và cũng không có ai nợ hai vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn chị Lâm Thị Mỹ H được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được, Toà tiến hành lập biên bản không hoà giải và không công khai chứng cứ được.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến: việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật; tại phiên tòa có sự thay đổi Hội thẩm nhân dân, Thẩm phán đã giải thích việc thay thế Hội thẩm dự khuyết các đương sự thống nhất và đồng ý tiếp tục xét xử.

Xét yêu cầu của anh Trần Hoàng S về việc xin ly hôn với chị Lâm Thị Mỹ H, có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hôn nhân giữa anh S và chị H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, do chị H không lo chăm sóc gia đình mà lại bỏ đi nơi khác sinh sống. Sự việc này được trưởng BND khu phố 4, thị trấn B và hàng xóm xác nhận là đúng sự thật. Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Hoàng S.

Về con chung: Quá trình chung sống anh S, chị H có hai con chung là Trần Văn T, Trần Thị Thùy Th anh S yêu cầu được nhận nuôi hai người con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng con chung là có cở sở chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi chị H và anh S ly thân từ năm 2016 đến nay anh S là người chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Hơn nữa tại lời khai hai con chung đều có

nguyện vọng theo ở với anh Sắc khi anh S và chị H ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử giao cháu Trần Văn T, Trần Thị Thùy Th cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị miễn xét.

Về công nợ chung: Anh S xác định không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Hoàng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy việc nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn.

Chị Lâm Thị Mỹ H (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt liên tục không có lý do chính đáng của bị đơn nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Sau khi làm đầy đủ thủ tục tố tụng, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hàng S và chị Lâm Thị Mỹ H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn B, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang ngày 29 tháng 5 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Trần Hoàng S vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét ý kiến tại bản tự khai, lời trình bày của anh S xác định: Khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng anh S và chị H thì việc mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh S và chị H thường xuyên bất hòa và hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm tính đến thời điểm Tòa án xác minh vào tháng 04/2019. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận anh Trần Hoàng S được ly hôn chị Lâm Thị Mỹ H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh S và chị H có với nhau hai người con chung là Trần Văn T và Trần Thị Thùy Th. Khi ly hôn anh S yêu cầu được nhận nuôi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), điều này phù hợp với nguyện vọng hai con và việc cấp dưỡng mặc dù được Hội đồng xét xử giải thích nhưng anh S không yêu cầu, Hội đồng miễn xét.

Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của người con chưa thành niên; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử thống nhất giao hai người con chung Trần Văn T và Trần Thị Thùy Th cho anh Trần Hoàng S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

Về công nợ chung: Anh S xác định không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[3]. Về án phí: Anh Trần Hoàng S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35,147, 227, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng S được ly hôn với chị Lâm Thị Mỹ H.

2. Về con chung:

a. Giao cháu Trần Văn T và Trần Thị Thùy Th cho anh Trần Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi);

b. Chị Lâm Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Trần Hoàng S.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Trần Hoàng S xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Anh Trần Hoàng S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, theo lai thu số 0008293 ngày 19/02/2019, anh S không phải nộp thêm.

Chị Lâm Thị Mỹ H không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Anh Trần Hoàng S và chị Lâm Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần NgọcTriệu

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- UBND thị trấn An Thới,
Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.